TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/DSST
Ngày: 07/8/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Điều và ông Trần Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên**.**

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị A - sinh năm 1976
Trú tại: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên

2. Bị đơn: Chị Đỗ Tú L - sinh năm 1986
Trú tại: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Duy T- sinh năm 1988;
HKTT: D 5A, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.
Hiện trú tại: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2019 và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hồ Thị A trình bày: Ngày 30/10/2017 âm lịch nhằm ngày 17/12/2017 dương lịch chị A có cho chị Đỗ Tú L mượn số tiền 20.000.000đ và ngày 13/11/2017 âm lịch nhằm ngày 30/12/2017 dương lịch, chị A có cho chị L mượn số tiền 40.000.000đ, tổng cộng chị A cho chị L mượn số tiền 60.000.000đ để làm vốn buôn bán. Khi mượn tiền chỉ có một mình chị L đứng ra mượn và chính chị L là người viết giấy mượn và hẹn thời gian trả 01 năm. Lúc mượn không tính lãi suất. Chị L viết giấy mượn tiền và

ký tên. Nay đã quá hạn trả nợ, chị A đã nhiều lần đến yêu cầu chị L trả nợ nhưng chị L không trả tiền theo thỏa thuận. Nên chị A khởi kiện yêu cầu chị L phải trả số tiền mượn theo hình thức trả dần 3.000.000đ/tháng cho đến khi hết số nợ gốc và trả tiền lãi đối với số nợ gốc theo quy định của pháp luật từ tháng 3/2019 đến ngày xét xử xong vụ án.

- Bị đơn chị Đỗ Tú L trình bày: Chị L thừa nhận có mượn của chị A số tiền 60.000.000đ để mở tiệm tạp hóa, mượn hai lần, một lần mượn 20.000.000đ và một lần mượn 40.000.000đ, chị L không nhớ rõ ngày mượn. Việc vay mượn chỉ có một mình chị L đứng tên vay mượn và ký tên trong giấy mượn tiền. Nay chị A khởi kiện yêu cầu chị L trả số tiền 60.000.000đ và trả tiền lãi từ tháng 3/2019 đến ngày xét xử thì chị L đồng ý trả nợ gốc. Nhưng vì hoàn cảnh khó khăn, hiện đang nợ rất nhiều người nên chị L xin trả tiền gốc cho chị A mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi trả hết nợ. Còn tiền lãi thì chị L không có khả năng trả, nên xin không trả tiền lãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy T trình bày: Anh T là chồng chị L, trước đây chị L làm ăn bị vỡ nợ, anh T đã cùng gia đình trả rất nhiều cho chủ nợ, việc chị L mượn tiền của chị A, anh T không biết. Tuy nhiên, do bà An có lời nói xúc phạm anh T nên anh T không đồng ý trả nợ cho chị A.

Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 60.000.000đ, xin trả dần 2.000.000đ/tháng và không phải trả lãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 463, điều 468 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền 62.390.400đ (trong đó: tiền gốc 60.000.000đ; tiền lãi: 2.390.400đ); Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Tuy An nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp*:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền đã mượn theo giấy mượn tiền. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy An theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận chị L có vay số tiền 60.000.000đ của chị A. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị A chỉ yêu cầu bị đơn chị L trả dần 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết số nợ gốc là 60.000.000đ và trả tiền lãi đối với số nợ gốc

60.000.000đ theo quy định của pháp luật từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử xong vụ án. Chị A không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cùng chị L trả nợ.

Bị đơn thừa nhận vay tiền để làm vốn buôn bán, mục đích phục vụ phát triển kinh tế gia đình, nhưng do làm ăn thua lỗ nên đề nghị trả dần 2.000.000đ/tháng cho đến khi trả hết nợ vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn và xin không trả lãi, nhưng nguyên đơn không đồng ý.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T: Chị L thừa nhận vay tiền để làm ăn để phát triển kinh tế gia đình, nên vợ chồng phải có chung nghĩa vụ dân sự. Tuy nhiên, nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ dân sự, nên ghi nhận sự tự nguyện của chị A.

Căn cứ vào giấy mượn tiền và sự thừa nhận của các bên đương sự có mặt tại phiên tòa được xem là chứng cứ của vụ án theo quy định tại Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị L có nghĩa vụ trả cho chị A số tiền đã vay là 60.000.000đ.

- Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn cho rằng chỉ cho vay có thời hạn và không tính lãi; Bị đơn cho rằng vay có lãi (đã trả đến tháng 4/2018), nhưng không có căn cứ chứng minh và cũng không yêu cầu xem xét lại khoản tiền lãi đã trả. Do đó, Hội đồng xét xử xác định giao dịch vay không có lãi suất.

Chị A yêu cầu bị đơn trả lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật tính từ ngày có đơn khởi kiện đến khi giải quyết là từ ngày 13/3/2019 đến ngày 07/8/2019 là 04 tháng 24 ngày. Hội đồng xét xử thấy, bên vay có nghĩa vụ trả đủ tiền khi đến hạn; Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Tại thời điểm vay mượn các bên không thỏa thuận lãi suất nên mức lãi suất được tính là 10%/năm = 0.83%/tháng, cụ thể: 60.000.000đ * 0.83%/tháng * 04 tháng 24 ngày = 2.390.400đ.

Từ các chứng cứ trên, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị L phải có nghĩa vụ trả cho chị A số tiền gốc đã vay và lãi chậm trả, tổng cộng: 60.000.000đ + 2.390.400đ = 62.390.400đ *(Sáu mươi hai triệu, ba trăm chín mươi nghìn, bốn trăm đồng)*;

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 62.390.400đ * 5% = 3.119.520đ; Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị A.

1. Buộc chị Đỗ Tú L trả cho chị Hồ Thị A số tiền gốc đã mượn 60.000.000đ và lãi chậm trả 2.390.400đ, tổng cộng là 62.390.400đ *(Sáu mươi hai triệu, ba trăm chín mươi nghìn, bốn trăm đồng)*;

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 của số tiền còn phải thi hành án.

2. Về án phí:

- Chị Đỗ Tú L phải chịu 3.119.520đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho chị Hồ Thị A số tiền 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0007586 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thanh Tùng

* ***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.